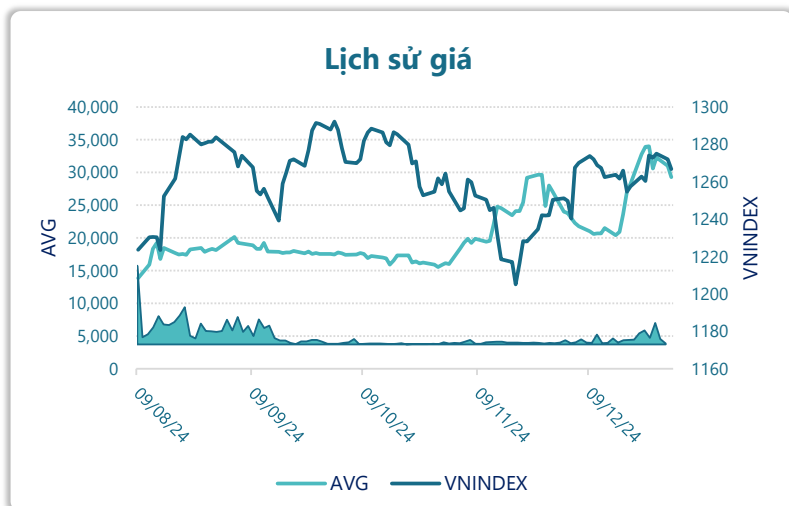


CTCP Phân bón Quốc tế Âu Việt (UPCOM: AVG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	29,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,854
SL cổ phiếu LH	17,679,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)	176,815
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	518
P/E	40.8
EPS	718

DT thuần

Q4/24

240

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 106 | 78.8%

YoY: ▲ 62.0 | 34.6%

LN sau thuế

Q4/24

4.76

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.15 | 31.9%

YoY: ▲ 3.45 | 263%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.1%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2024

687

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 84.0 | 13.9%

LN sau thuế

2024

12.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00 | 45.6%

ROE

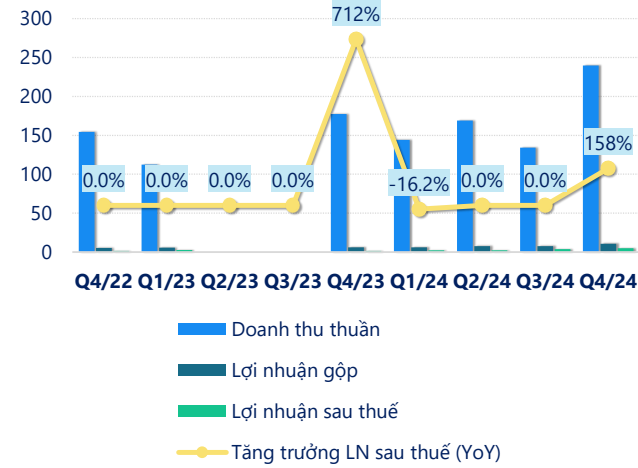
2024

5.8%

+/- YoY: ▲ 1.6%

tỷ VNĐ

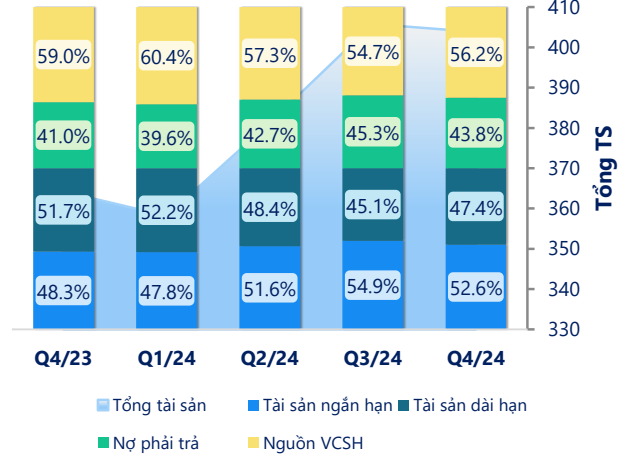
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

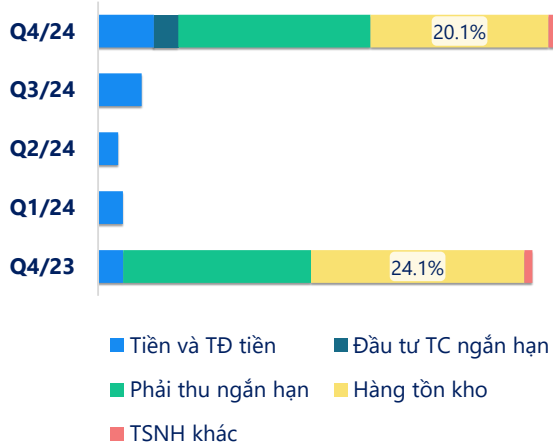
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



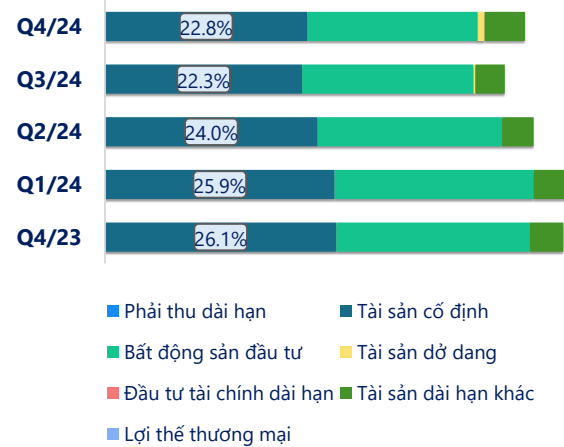
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

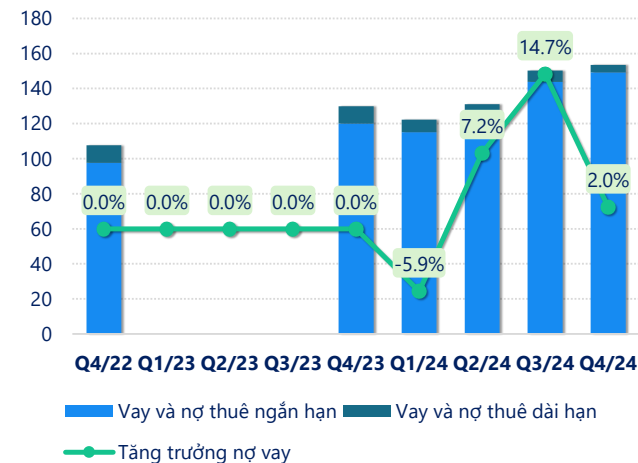
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

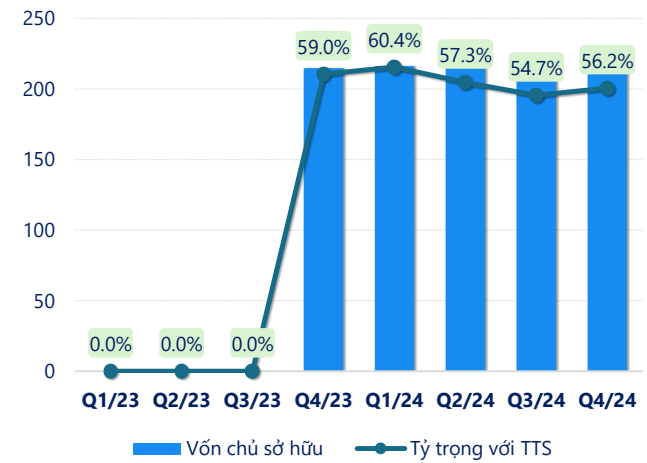
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

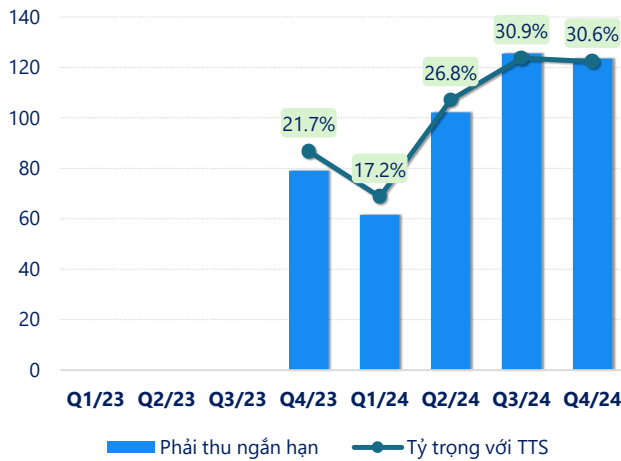
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



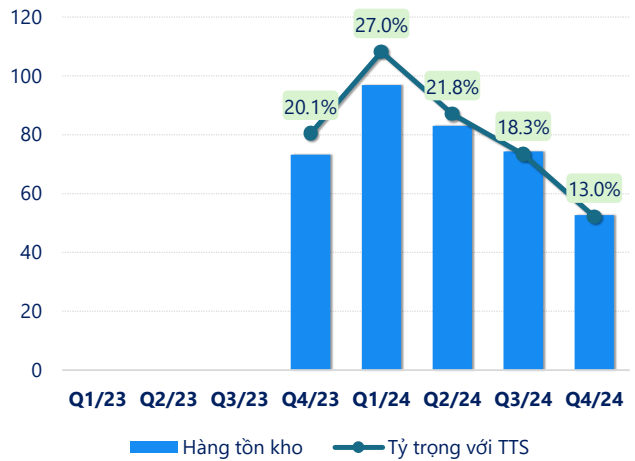
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


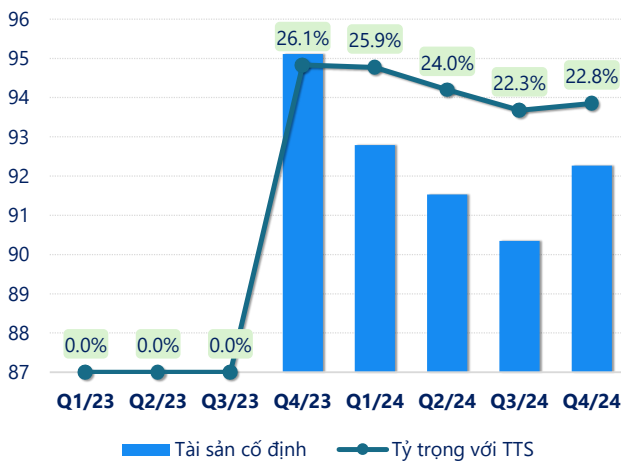
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


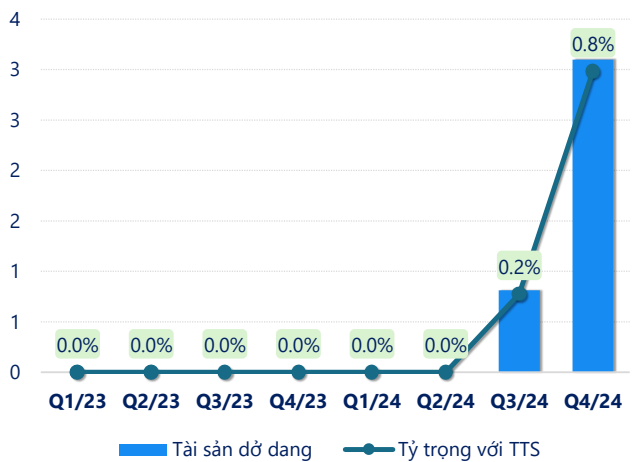
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

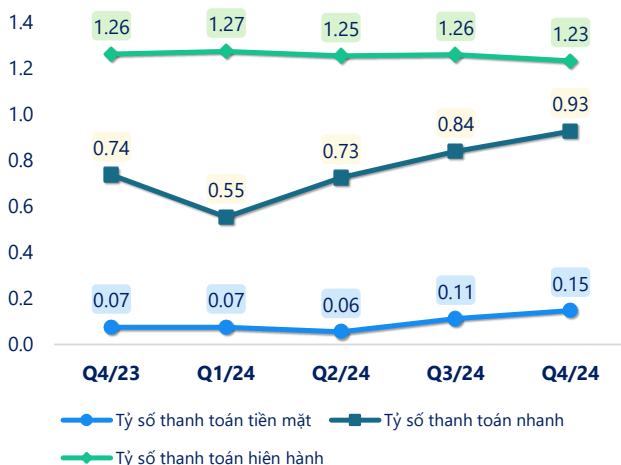
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

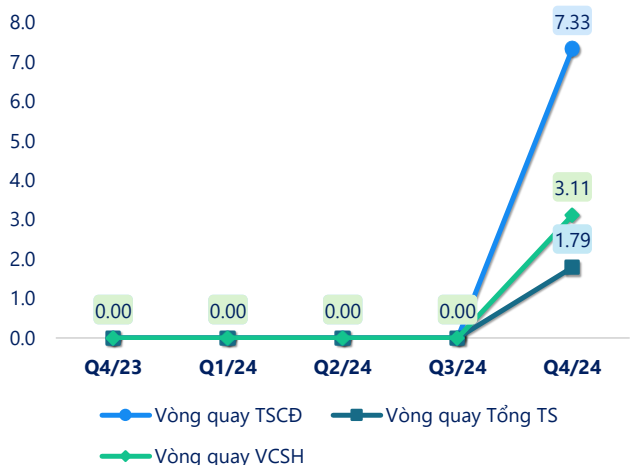
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	364	358	381	406	404
Tài sản ngắn hạn	176	171	197	223	212
Tiền và tương đương tiền	10.4	10.0	8.67	19.9	25.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	0	0	0	7.76
Phải thu ngắn hạn	79.1	61.5	102	126	124
Hàng tồn kho	73.2	96.9	83.0	74.3	52.7
Tài sản ngắn hạn khác	3.21	2.90	3.01	2.91	3.01
Tài sản dài hạn	188	187	185	183	191
Phải thu dài hạn	0	0.02	0	0	0
Tài sản cố định	95.1	92.8	91.5	90.3	92.3
Bất động sản đầu tư	79.5	80.3	79.4	78.5	77.6
Tài sản dở dang	0	0	0	0.81	3.10
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.8	13.7	13.6	13.5	18.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	149	142	163	184	177
Nợ ngắn hạn	139	135	157	177	172
Vay và nợ thuê ngắn hạn	120	115	125	144	149
Phải trả người bán ngắn hạn	10.9	17.1	29.8	28.5	20.9
Nợ dài hạn	10.2	7.51	5.85	6.86	4.61
Vay và nợ thuê dài hạn	10.0	7.10	5.65	6.45	4.20
Nguồn vốn chủ sở hữu	215	216	219	222	227
Vốn chủ sở hữu	215	216	219	222	227
Vốn điều lệ	136	136	136	136	177
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)